

BỘ THƯƠNG MẠI
CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU " ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ VẬT TƯ "

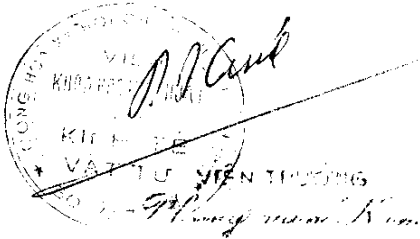
Đề tài : 88 - 78 - 075

THƯỜNG NGHIỆP VẬT TƯ
TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH
Ở VIỆT NAM

Chủ nhiệm : P.T.S. **VŨ THẾ BẰNG**

Thủ trưởng cơ quan chủ trì
Viện trưởng

Chủ tịch hội đồng
đánh giá đề tài



Xuất sắc!

Uanh

Vũ Thế Bình

Thủ trưởng cơ quan quản lý
74 Bộ Thương MẠI



HÀ NỘI NGÀY 10 THÁNG 8 - 1990

MỞ ĐẦU

Cơ chế quản lý vật tư là hệ những quy định về cách thức sử dụng các công cụ, các phương pháp điều khiển quá trình phân phối, lưu thông vật tư trong nền kinh tế quốc dân nhằm đạt hiệu quả kinh tế tối ưu; là sự phản ánh quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng của xã hội, là bộ phận của toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế.

Đối mới cơ chế quản lý vật tư là đem cơ chế quản lý vật tư mới khoa học thay thế cơ chế quản lý vật tư cũ lạc hậu kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội.

Cơ chế quản lý vật tư mới khoa học phải phản ánh đúng bản chất, cấu trúc, đặc trưng, quy luật vận động của quá trình phân phối, lưu thông vật tư của các công cụ, các phương pháp điều khiển, phải phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của kiến trúc thượng tầng trong điều kiện lịch sử cụ thể của từng thời kỳ.

Chính bản chất, cấu trúc, đặc trưng, quy luật vận động của quá trình phân phối, lưu thông vật tư, của các công cụ, các phương pháp điều khiển, tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, của kiến trúc thượng tầng trong điều kiện lịch sử cụ thể của từng thời kỳ thể hiện trong những tiến bộ khoa học, những luận điểm khoa học là căn cứ khoa học để xây dựng cơ chế quản lý vật tư mới.

Đề tài "Thương nghiệp vật tư trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" là đề tài lý luận, phương pháp luận dẫn hướng của chương trình đổi mới cơ chế quản lý vật tư. Giới hạn và mục tiêu của đề tài là: xác lập hệ những luận điểm khoa học cơ bản cho việc xây dựng cơ chế quản lý vật tư trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Khái niệm thương mại dùng để chỉ quá trình kinh tế khách quan - phân phối, lưu thông hàng hoá. Khái niệm, thương nghiệp dùng để chỉ nghề thương mại. Đề tài bị buộc phải dùng khái niệm thương nghiệp thay khái niệm thương mại. Nay, đề tài giữ nguyên tên đề đăng ký; nhưng trong nội dung sẽ sử dụng khái niệm thương mại, thương nghiệp theo đúng nghĩa của chúng.

Đề tài được nghiên cứu trong bối cảnh xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực lên vào cuộc khủng hoảng, bế tắc đang được tự nhận thức lại và đổi mới từ lý luận đến thực tiễn để phát triển; Kinh tế, xã hội nước ta còn nhiều khó khăn gay gắt; Cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ trong tư duy, hành động còn

rất phức tạp nên không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót

Hy vọng đề tài sẽ góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý vật tư nói riêng, cơ chế quản lý kinh tế nói chung ở Việt nam trong thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa .

Phần một
THƯỜNG MAI VẬT TƯ

I.- Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt nam :

Xã hội xã hội chủ nghĩa là tất yếu lịch sử phát triển xã hội nhân loại. Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có năng suất lao động, mức sống vật chất, tinh thần, trình độ văn minh cao hơn năng suất lao động, mức sống vật chất, tinh thần, trình độ văn minh của bất kỳ xã hội nào trước nó, kể cả xã hội tư bản hiện đại nhất .

Xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt nam là mục tiêu bất di, bất dịch, là sự đòi hỏi khách quan của sự phát triển xã hội Việt nam gắn bó hữu cơ với sự phát triển xã hội toàn nhân loại .

Tiến lên xã hội xã hội chủ nghĩa, Việt nam tất yếu phải trải qua thời kỳ quá độ lâu dài, khó khăn, gian khổ gồm nhiều chặng đường kế tiếp nhau liên tục với nhiệm vụ trung tâm thường xuyên là giải quyết mâu thuẫn cơ bản : Mâu thuẫn giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, thường xuyên xem xét tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất để kịp thời thiết lập quan hệ sản xuất với các hình thức kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế phù hợp. Chính sự phù hợp này của quan hệ sản xuất lại tiếp tục thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ hơn, thúc đẩy xã hội nhanh trở thành xã hội xã hội chủ nghĩa .

Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt nam bắt đầu trong bối cảnh lịch sử có các đặc trưng :

+ Đất nước gánh chịu di sản nặng nề lạc hậu, lạc hậu của cuộc chiến tranh xâm lược lâu dài, của chế độ thực dân, phong kiến, tư sản, của chủ nghĩa quan liêu về các mặt kinh tế, tư tưởng, văn hoá, đạo đức v.v...

+ Nền kinh tế là nền sản xuất nhỏ, phân tán, kỹ thuật lạc hậu, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tỷ suất hàng hoá thấp, có nhiều thành phần kinh tế tồn tại khách quan. Trong thời gian dài, quan hệ sản xuất được thiết lập với cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, trình độ tổ chức quản lý kém, không phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng

sản xuất; đã kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, giam giữ nền kinh tế về cơ bản trong phạm trù kinh tế hiện vật tự cấp, tự túc - giai đoạn thấp của lịch sử kinh tế tự nhiên của nhân loại - mệnh danh là "kinh tế kế hoạch"; làm tan rã động lực phát triển kinh tế, đẩy nền kinh tế vào suy thoái, lạm phát .

+ Thiên nhiên khắc nghiệt, các nguồn tài nguyên để phát triển kinh tế có hạn; sức lao động dư thừa .

+ Nền dân chủ kém phát triển, có tính hình thức .

+ Trên cơ sở ứng dụng nhanh chóng thành quả của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, nền kinh tế hàng hoá thế giới phát triển mạnh mẽ buộc các quốc gia phải mở cửa, quốc tế hoá các nền kinh tế quốc gia, cùng tồn tại hoà bình trong quan hệ lệ thuộc nhau, mâu thuẫn với nhau. Xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực lâm vào cuộc khủng hoảng bế tắc, đang được tự nhận thức lại và đổi mới từ lý luận đến thực tiễn để phát triển .

Trong bối cảnh lịch sử này, chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt nam là chặng đường, ở đó, bằng mọi cách giải phóng mọi năng lực sản xuất, năng lực khoa học kỹ thuật, thiết lập nền dân chủ thực sự, xây dựng nhà nước pháp quyền, mở cửa với thế giới, thực hiện ngoại giao hoà bình, hoà dịu để ra sức phát triển nền kinh tế hàng hoá phân thnh có kế hoạch, gồm nhiều thành phần kinh tế, định hướng lên xã hội xã hội chủ nghĩa.

Ở chặng đường đầu tiên này công nghiệp hoá đất nước là ưu tiên phát triển những ngành sản xuất hàng hoá, dịch vụ có thể thoả mãn nhu cầu thị trường trong nước và tương lai đem lại lợi nhuận cao trên cơ sở khai thác triệt để tiềm năng của đất nước, của thế giới trong sự cân đối với sự phát triển của các ngành kinh tế còn lại của nền kinh tế quốc dân .

Chỉ những ngành công nghiệp như trên mới bảo đảm khả năng tích lũy cao, khả năng trang bị kỹ thuật mới cho nền kinh tế quốc dân thông qua thương mại, khả năng hoà nhập vào nền kinh tế hàng hoá thế giới, khả năng thoả mãn các nhu cầu của an ninh, quốc phòng của đất nước .

Công nghiệp hoá đất nước phải dựa trên chiến lược kinh tế xã hội với nội dung chủ yếu là chiến lược hàng hoá, dịch vụ, chiến lược thị trường, chiến lược khoa học kỹ thuật được xác định từ việc nghiên cứu, dự đoán sự phát triển của thị trường, của khoa học kỹ thuật một cách chính xác .

II.- Thương mại vật tư :

II.1.) Quan niệm về kinh tế thương mại vật tư :

Kinh tế hàng hoá là giai đoạn phát triển cao trong lịch sử, phát triển kinh tế của nhân loại, có năng suất lao động, khả năng thoả mãn nhu cầu con người cao hơn kinh tế hiện vật tự nhiên, tự cấp, tự túc .

Ngày nay, kinh tế hàng hoá phát triển với quy mô chưa từng thấy về chiều rộng, chiều sâu, tính đa dạng, tính phong phú chiếm tỷ trọng lớn, chiếm ưu thế tuyệt đối, đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thế giới và nền kinh tế mỗi quốc gia, đa biến nền kinh tế thế giới, nền kinh tế mỗi quốc gia thành nền kinh tế hàng hoá.

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên xã hội xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, có tính kế hoạch, định hướng đi lên xã hội xã hội chủ nghĩa .

Trong nền kinh tế hàng hoá, vật tư tất yếu là hàng hoá ; quá trình phân phối, lưu thông vật tư tất yếu là kinh tế thương mại. Vì vật tư là sản phẩm của sản xuất hàng hoá, là bộ phận cấu thành của sản phẩm hàng hoá; phân phối, lưu thông vật tư là hai khâu không thể tách rời của quá trình tái sản xuất hàng hoá xã hội .

Nếu vật tư không phải là hàng hoá, phân phối lưu thông vật tư không phải là kinh tế thương mại thì dù sức lao động bất động sản, tài nguyên là hàng hoá cũng không có nền kinh tế hàng hoá .

Kinh tế thương mại vật tư là quá trình phân phối lưu thông hàng hoá vật tư có tính kế hoạch, nhằm thoả mãn nhu cầu thị trường, do nhiều thành phần kinh tế thực hiện, góp phần tái sản xuất hàng hoá, xã hội mở rộng không ngừng với quy mô ngày càng lớn, hiệu quả ngày càng cao .

Kinh tế thương mại vật tư là bộ phận hữu cơ của kinh tế vật tư, là kinh tế vật tư trong phân phối lưu thông hàng hoá nhằm bao đảm vật tư, tiết kiệm chi phí xã hội cho quá trình tái sản xuất hàng hoá xã hội mở rộng .

Kinh tế thương mại vật tư khác kinh tế thương mại hàng tiêu dùng :

+ Đối tượng của phân phối lưu thông là hàng hoá vật tư.

+ Người mua cuối cùng phần lớn là các nhà kinh doanh sản xuất, dịch vụ.

+ Chi phí dịch vụ lưu thông thuần túy chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí dịch vụ lưu thông.

Sự khác nhau này của chúng không phải là cơ bản. Sự giống nhau của chúng là cơ bản. Giữa chúng có những mối quan hệ biện chứng trực tiếp và gián tiếp, gắn bó hữu cơ với nhau trong sự vận động, cân đối.

Sự hợp thành có tính hữu cơ của kinh tế thương mại vật tư với kinh tế thương mại hàng tiêu dùng, với kinh tế ngoại thương sẽ tạo nên sự hoàn chỉnh toàn bộ khâu phân phối, lưu thông hàng hoá của quá trình tái sản xuất hàng hoá của nền kinh tế hàng hoá quốc dân.

Kinh tế thương mại vật tư vận động và phát triển không ngừng trong suốt thời kỳ quá độ để dần dần trở thành thương mại vật tư xã hội chủ nghĩa. Đó là xu hướng vận động tất yếu của thương mại vật tư do lịch sử và sự phát triển có tính quy luật của nền kinh tế nhân loại quy định.

II.2.) Nội dung của kinh tế thương mại vật tư :

II.2.1.) Phân phối hàng hoá vật tư :

Phân phối hàng hoá vật tư là quá trình phân chia, định lượng, định hướng cho sự vận động và trao đổi hàng hoá vật tư trên thị trường, nhằm thoả mãn nhu cầu thị trường.

Phân phối hàng hoá vật tư là bộ phận của phân phối tổng sản phẩm và giá trị tổng sản phẩm xã hội; là khâu mở đầu của quá trình kinh tế thương mại vật tư.

Nó diễn ra dưới tác động chi phối tổng hợp của các quy luật kinh tế, xã hội, đặc biệt là các quy luật của nền kinh tế hàng hoá: quy luật giá trị, cung cầu, giá cả, vận động, cân đối v.v... được thể hiện trong các định hướng phát triển của nhà nước và các diễn biến của thị trường.

Quá trình phân phối hàng hoá vật tư được tiến hành trên cơ sở nghiên cứu thị trường và định hướng phát triển kinh tế xã hội của nhà nước về :

+ Nhu cầu và nguồn hàng hoá vật tư về mặt hàng, khối lượng, giá cả, tính thời gian, sự phân bố trong không gian, tiềm năng và các chủ thể của chúng, dự báo sự phát triển của chúng trên thị trường, đặc biệt lưu ý tới nhu cầu và nguồn

hàng hoá vật tư có khả năng thanh toán .

+ Nhu cầu và khả năng thoả mãn nhu cầu dịch vụ cần thiết cho phân phối, lưu thông hàng hoá vật tư về lượng, chất, giá cả, tính thời gian, sự phân bố theo dòng vật tư và dự báo sự phát triển của chúng trên thị trường .

+ Phân tích và dự báo sự phát triển của các thị trường có liên quan chặt chẽ với thị trường vật tư như thị trường tiền tệ, thị trường sức lao động, thị trường hàng tiêu dùng v.v...

+ Định hướng phát triển kinh tế xã hội của nhà nước được thể hiện trong chính sách, được lượng hoá có tính pháp định đối với một số yếu tố của thị trường như mức thuế, mức lợi tức tín dụng, danh mục mặt hàng và hạn ngạch xuất, nhập khẩu của chúng v.v...

+ Dự tính hiệu quả của phân phối .

+ Căn cứ tổng hợp để xác định lượng và giá trị hàng hoá vật tư có thể phân phối và các dự án phân phối .

Tính hợp lý của phân phối hàng hoá vật tư phản ánh trình độ nhận thức và làm chủ thị trường. Nhận thức và làm chủ thị trường là điều kiện tiên quyết của phân phối hàng hoá vật tư.

Tính hợp lý đòi hỏi phân phối hàng hoá vật tư phải :

+ Chỉ phân phối lượng hàng hoá/đơn vị vật tư có hoặc sẽ có chắc chắn thích ứng với các điều kiện cho phép.

+ Bảo đảm tính phù hợp, tính đồng nhất giữa phân phối tổng hợp với phân phối cụ thể ;

+ Thiết lập, duy trì các cân đối vật tư cho quá trình tái sản xuất mở rộng thông qua thoả mãn nhu cầu thị trường có tính ưu tiên ;

+ Dự án phân phối phải bắt đầu từ nghiên cứu thị trường kiểm nghiệm trên thị trường và điều chỉnh linh hoạt ;

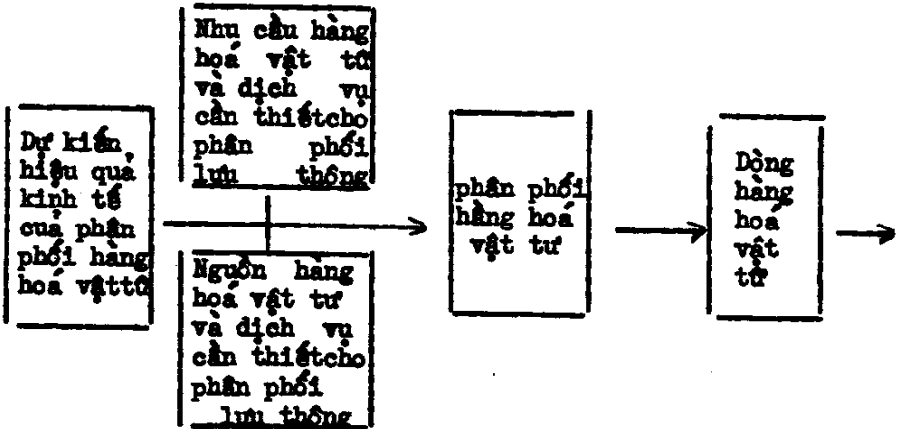
+ Bảo đảm đem lại hiệu quả kinh tế.

Phân phối hàng hoá vật tư được khái quát ở mô hình 1

Phân phối hàng hoá vật tư sẽ tạo ra các dòng hàng hoá vật tư rất phức tạp trên thị trường của nền kinh tế hàng hoá quốc dân .

Quá trình phân phối hàng hoá vật tư diễn ra ở mỗi cấp quản lý kinh tế của nền kinh tế. Song, quy mô, tính chất, hình thức phân phối hàng hoá vật tư của mỗi cấp được xác định từ thuộc mục tiêu và điều kiện quản lý của cấp đó theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Mô hình 1



II.2.2.) Lưu thông hàng hoá vật tư :

Lưu thông hàng hoá vật tư là quá trình vận động, trao đổi hàng hoá vật tư trên thị trường bằng tiêu dùng các sản phẩm hàng hoá của dịch vụ của thị trường nhằm thực hiện phân phối hàng hoá vật tư, thoả mãn nhu cầu thị trường.

Lưu thông hàng hoá vật tư là thực hiện phân phối hàng hoá vật tư, là khâu kết thúc của quá trình kinh tế thưng mại vật tư.

Lưu thông hàng hoá vật tư tạo nên các dòng hàng hoá vật tư trên thị trường trong nền kinh tế hàng hoá, Sự vận động của chúng tạo ra nhu cầu các sản phẩm hàng hoá của quá trình dịch vụ và đòi hỏi sự thoả mãn nhu cầu này. Nếu nhu cầu này không được thoả mãn một cách cân đối tại mọi thời điểm của dòng thì sự vận động sẽ không diễn ra, hoặc diễn ra với hiệu quả kinh tế thấp.

Tác động tổng hợp của các quy luật của nền kinh tế hàng hoá đối với lưu thông hàng hoá vật tư đòi hỏi phải tối ưu hoá cấu trúc dòng (dự trữ, hàng đi trên đường, hàng đang trao

đổi). Tối ưu hoá sự vận động của các dòng từ nguồn tới nơi tiêu thụ trên thị trường, sao cho tổng nhu cầu sản phẩm hàng hoá của các quá trình dịch vụ là tối thiểu cần thiết (vận tải, bốc dỡ, bao bì, phân loại, kinh tế kho tàng, phục vụ kỹ thuật, bán hàng, quang cáo v.v...).

Đồng thời nó đòi hỏi các sản phẩm hàng hoá của các quá trình dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của lưu thông hàng hoá vật tư phải tốt, rẻ, giàu tính nghệ thuật, dễ tìm, dễ mua, dễ mua đồng bộ, kịp thời ở nơi cần thiết trên thị trường. Do đó cần phải phát triển các ngành dịch vụ: kinh tế vận tải, kinh tế kho tàng, kinh tế bao bì, phục vụ kỹ thuật, quang cáo v.v... cần đổi sự phát triển lưu thông hàng hoá vật tư không chỉ ở thị trường trong nước mà còn cả ở thị trường quốc tế trên cơ sở ứng dụng nhanh chóng các thành quả tiến bộ của khoa học kỹ thuật, của khoa học quản lý.

Sự tiêu dùng những sản phẩm hàng hoá được thoả mãn của các quá trình dịch vụ trên thị trường tạo động năng cho sự vận động của hàng hoá vật tư; giá cả của những sản phẩm hàng hoá này tạo nên phần chủ yếu của giá cả chi phí lưu thông, một trong nhiều căn cứ cho việc xác định giá bán hàng hoá vật tư, cũng như giá mua của nó.

Trao đổi hàng hoá vật tư, cũng như bất kỳ hàng hoá nào khác đều đòi hỏi lưu thông tiền tệ tương ứng, gắn bó hữu cơ trong trạng thái cân đối về lượng tiền tệ với tổng mức giá cả hàng hoá vật tư dịch vụ cần mua, hoặc cần bán, về cơ cấu các loại tiền với các hình thức thanh toán lựa chọn thích hợp, có lợi cho việc mua bán nhanh chóng, thuận lợi trên thị trường.

Tối ưu hoá lưu thông hàng hoá vật tư tất yếu đòi hỏi tối ưu hoá lưu thông tiền tệ và ngược lại để tổng mức vốn cần thiết cho lưu thông là thấp nhất, số vòng quay của vốn là cao nhất, bao đảm chi phí lợi tức tiền vay, chi phí lợi tức tự tính trên vốn lưu động là ít nhất, thu hồi vốn đầu tư vào tài sản cố định nhanh nhất, bao đảm sao cho lượng tiền tệ dùng trong lưu thông hàng hoá vật tư sinh lợi nhiều hơn dùng trong lưu thông tiền tệ thuần túy.

Tối ưu hoá lưu thông hàng hoá vật tư chính là tìm cách tốt nhất, có hiệu quả nhất đưa hàng hoá vật tư đến tay người tiêu thụ trên thị trường, thoả mãn tối đa nhu cầu của họ về số lượng, chất lượng, đúng địa điểm, chính xác về thời gian, trình độ thẩm mỹ cao, độ tin cậy cao, ổn định, giá cả có thể chấp nhận (càng rẻ càng tốt), sự thoả mãn tinh thần, tâm lý.

Vận động và trao đổi hàng hoá vật tư gắn bó hữu cơ, đan